

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *908*/SNN&PTNT-QLCL  
V/v thực hiện báo cáo định kỳ công  
tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP  
nông lâm thủy sản

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016 về việc ban hành Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Công văn số 4486/BNN-QLCL ngày 31/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đôn đốc thực hiện trọng tâm Năm cao điểm hành động và sửa đổi biểu mẫu báo cáo định kỳ.

Để có đầy đủ thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện công tác quản lý chất lượng VTNN và ATTP nông lâm thủy sản kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh theo quy định. Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chế độ thông tin báo cáo như sau:

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng, sơ kết 6 tháng và tổng kết năm theo mẫu tại Phụ lục gửi kèm.

2. Thời hạn báo cáo:

- Báo cáo định kỳ hàng tháng: Gửi trước **ngày 10** hàng tháng.
- Báo cáo sơ kết 6 tháng: Gửi trước **ngày 05/6** hàng năm.
- Báo cáo tổng kết năm: Gửi trước **ngày 30/11** hàng năm.

3. Hình thức báo cáo và nơi nhận:

- Báo cáo định kỳ hàng tháng: Gửi file điện tử về Chi cục theo địa chỉ email: [ccqlclnltts.snnptnt@thanhhoa.gov.vn](mailto:ccqlclnltts.snnptnt@thanhhoa.gov.vn).

- Báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm: Gửi bản giấy và file điện tử Báo cáo sơ kết 6 tháng/tổng kết năm về Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Thanh Hóa (Số 17, đường Dốc Ga, phường Phú Sơn, TP. Thanh Hoá) và địa chỉ email: [ccqlclnltts.snnptnt@thanhhoa.gov.vn](mailto:ccqlclnltts.snnptnt@thanhhoa.gov.vn).

**Ghi chú:** Biểu mẫu báo cáo được đăng tải trên Website của Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản tại địa chỉ <http://chicucqlclnltsthanhhoa.gov.vn>.

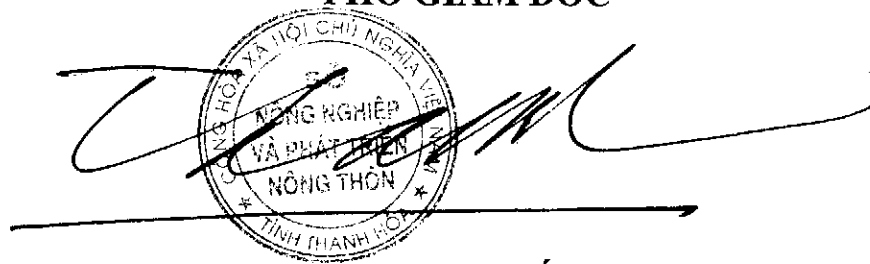
4. Biểu mẫu ban hành kèm theo công văn này thay thế cho các biểu mẫu báo cáo được ban hành tại Công văn số 1534/SNN&PTNT-QLCL ngày 02/6/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

Đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đảm bảo thời gian quy định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

A handwritten signature in black ink is written over a circular official seal. The seal contains the text 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM' at the top, 'NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN' in the center, and 'TỈNH THANH HÓA' at the bottom. The signature is a stylized, cursive script.

**Mai Nhus Thang**



## Phụ lục 1. Đề cương báo cáo

(Kèm theo Công văn số 10/SNN&PTNT-QLCL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: / ..... , ngày tháng năm

### ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tháng .../ 6 tháng đầu năm.../ năm....., kế hoạch tháng .../6 tháng cuối năm..... / năm.....**

#### I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÁNG.../6 THÁNG ĐẦU NĂM.../ NĂM....

##### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

- Đã ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật, kế hoạch/văn bản ... để triển khai; đã có báo cáo số ... về kết quả triển khai các văn bản nêu trên.

- Đánh giá chung tình hình triển khai ở các cấp huyện, xã, phường; thôn, bản:...

##### 2. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật.

**2.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 04-NQ/NQ-TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.**

- Sản phẩm thực phẩm sản xuất, chế biến theo mô hình sản xuất lớn, tập trung đáp ứng quy định về VSATTP đạt.....%; trong đó:

+ Gạo:.....% (tương đương:.....tấn);

+ Rau, quả:....% (tương đương:.....tấn);

+ Thịt gia súc, gia cầm:.....% (tương đương:.....tấn);

+ Thủy sản (tôm, cá):.....% (tương đương:.....tấn).

+ Thực phẩm khác: .....

- Sản phẩm thực phẩm cung ứng từ huyện khác vào trong huyện được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng các quy định về VSATTP đạt....%; trong đó:

+ Gạo:.....% (tương đương:.....tấn);

+ Rau, quả:....% (tương đương:.....tấn);

+ Thịt gia súc, gia cầm:.....% (tương đương:.....tấn);

+ Thủy sản (tôm, cá):.....% (tương đương:.....tấn).

+ Thực phẩm khác: .....

- Sản phẩm tiêu dùng chủ yếu (gạo; rau, quả; thịt gia súc; gia cầm, thủy sản) thông qua các chuỗi liên kết, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn đạt:....%; trong đó:

+ Gạo:.....% (tương đương:.....tấn);

+ Rau, quả:....% (tương đương:.....tấn);

+ Thịt gia súc, gia cầm:.....% (tương đương:.....tấn);

+ Thủy sản (tôm, cá):.....% (tương đương:.....tấn).

- Số cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP là:... cơ sở (đạt....% so với tổng số cơ sở giết mổ trên địa bàn); trong đó cơ sở giết mổ tập trung là ....cơ sở (đạt....% so với tổng số cơ sở giết mổ trên địa bàn).



### 2.4.2. Thực phẩm nông lâm thủy sản

T T	Tên/Loại mẫu	Số mẫu lấy	Chỉ tiêu phân tích	Số chỉ tiêu phân tích	Mẫu vi phạm trong kỳ báo cáo		Chỉ tiêu vi phạm trong kỳ báo cáo	
					Tổng số	% so với số mẫu lấy	Tổng số	% so với số chỉ tiêu phân tích
1	Thịt tươi các loại		Chất cấm					
			Hóa chất, kháng sinh					
			Vi sinh					
2	Thịt chế biến		Chất cấm					
			Hóa chất, kháng sinh					
			Vi sinh					
3	Rau, củ, quả		Thuốc BVTV					
			Vi sinh					
4	Sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (măng, dưa muối, chè, cà phê...)		Vi sinh					
			Hóa chất, thuốc BVTV					
			Chất cấm					
5	Thủy sản nuôi		Kháng sinh cấm, chất cấm					
			Hóa chất, kháng sinh					
			Vi sinh					
6	Thủy sản chế biến		Chất cấm					
			Hóa chất, kháng sinh					
			Vi sinh					

- Đánh giá, nhận xét kết quả lấy mẫu và phân tích mẫu so với cùng kỳ.

### 2.5. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.5.1. Kiểm tra, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản, xử lý cơ sở loại C theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thống kê, lập danh sách và cập nhập vào phần mềm hệ thống dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT theo biểu dưới đây.

STT	Loại hình	Số cơ sở được thống kê		Số cơ sở được kiểm tra đánh giá, phân loại theo TT số 45/2014/TT-BNNPTNT													
		Trong kỳ báo cáo	Luỹ kế	Tổng số	% so với số cơ sở được thống kê	Loại A			Loại B			Loại C					
						Trong kỳ báo cáo	Luỹ kế	% so với số cơ sở được kiểm tra	Trong kỳ báo cáo	Luỹ kế	% so với số cơ sở được kiểm tra	Trong kỳ báo cáo	Luỹ kế	% so với số cơ sở được kiểm tra			
1	Sản xuất, kinh doanh VTNN																
2	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản																

Số lượng cơ sở xếp loại C được xử lý theo quy định..... cơ sở;

Biện pháp xử lý chủ yếu:.....

- Cập nhật kết quả thống kê, kiểm tra, xếp loại cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản theo mẫu dưới đây.

STT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Loại hình sản xuất, kinh doanh	Cấp thống kê, kiểm tra, phân loại	Địa chỉ	Điện thoại	Fa x	Thư điện tử	Tên hệ thống đảm bảo chất lượng, ATTP	Kết quả xếp loại (A/B/C) gần nhất đến thời điểm báo cáo	Ngày kiểm tra xếp loại A/B/C
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

2.5.2. Kết quả triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

STT	Tên/loại hình cơ sở	Số cơ sở được thống kê	Ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn		Kiểm tra thực hiện cam kết			Ghi chú (biện pháp xử lý đối với các cơ sở kiểm tra không đạt)
			Số cơ sở ký cam kết	% số với cơ sở đã thống kê	Số cơ sở được kiểm tra		% cơ sở được kiểm tra đạt so với cơ sở cam kết	
					Đạt	Không đạt		
1	Cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ							
2	Cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ							
3	Cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ							
4	Cơ sở sản xuất, khai thác muối nhỏ lẻ							
5	Cơ sở thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản nhỏ lẻ							
6	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ có từ 2 nhóm sản phẩm trở lên							

2.5.3. Kết quả thực hiện xác nhận nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản theo Quyết định số 91/QĐ-SNN&PTNT ngày 14/2/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

STT	Tên sản phẩm thực phẩm	ĐVT	Sản lượng	Ghi chú

Tổng số giấy xác nhận nguồn gốc, xuất xứ đã cấp trong kỳ báo cáo:.... giấy, lũy kế có..... giấy đã được cấp.

2.5.4. Kết quả kiểm tra chuyên ngành, liên ngành về VTNN, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; truy xuất, thu hồi và xử lý các sản phẩm VTNN, nông lâm thủy sản không đảm bảo chất lượng.

a) Về vật tư nông nghiệp.



**2.6. Kết quả giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm (nếu có):**

**3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016 về việc ban hành Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các Chương trình, Kế hoạch được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ về công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn (báo cáo những nội dung không có trong mục 1 và mục 2 nêu trên).**

**4. Tăng cường nguồn lực (con người, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện công tác quản lý chất lượng VTNN và ATTP trên địa bàn).**

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

### **2. Tồn tại, hạn chế**

### **3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế**

## **III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CÔNG TÁC THÁNG .../ 6 THÁNG CUỐI NĂM.../ NĂM...**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

3. Công tác xây dựng, phát triển các cơ sở, các mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn.

4. Công tác lấy mẫu giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

6. Công tác giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm trong nước và rào cản của thị trường xuất khẩu.

7. Tăng cường nguồn lực.

8. Công tác khác.

**Lưu ý: Kế hoạch trọng tâm cần bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương và các cơ quan cấp tỉnh để Kế hoạch có tính khả thi cao.**

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT (để b/c).
- Chi cục QLCL NLTS (để t/h);
- Lưu VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)